

Bản án số: 25/2026/HS-PT
Ngày 24 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Mạnh T**, sinh ngày 02/01/1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), nay là xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết T1 và con bà Dương Thị K; có vợ là Phạm Thị H và có 03 con; con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2025 đến ngày 01/8/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ngân hàng TMCP T6.

Địa chỉ trụ sở chính: Số E L, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T2 - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ KHCN - Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ khách hàng cá nhân - T7; (có mặt) SĐT: 0366.679.788.

Địa chỉ liên hệ: Số A Đ, phường N, thành phố Hà Nội.

(Theo Văn bản ủy quyền số: 05/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của ông Đỗ Minh P và Văn bản ủy quyền số: 3164/2025/GUQ-TPB.CM ngày 08/10/2025 của ông Nguyễn Vũ L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2024, chị Đinh Thị Quỳnh P1, sinh ngày 11/12/2009, (tên gọi khác là “*Bóng*”) đến làm nhân viên tại quán hát Karaoke BLUE 88 của Nguyễn Văn D. Đến khoảng tháng 11/2024, chị P1 không muốn làm việc tại quán hát của D nữa nên chị P1 đã gọi điện cho bạn của mình là anh Trần Tuấn A, đến quán hát Karaoke của D để đón chị P1 đi chơi. Sau đó, anh Tuấn A đến quán hát Karaoke của D đón chị P1 đi chơi. Sau khi đi chơi, chị P1 không quay lại quán hát Karaoke của D làm việc nữa mà về nhà anh Tuấn A ở luôn. Thấy chị P1 nghỉ, không làm việc tại quán của mình nên D đã nhiều lần yêu cầu chị P1 quay lại quán của D để làm việc và giải quyết dứt điểm công nợ (theo D khai là chị P1 còn nợ tiền Duyên) của chị P1 đối với D nhưng chị P1 không về. Ngày 06/12/2024, D nhờ Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/4/2008 đang là nhân viên quán hát Karaoke của D đi tìm và bắt chị P1 về quán cho D. D nói với N: “*Mày bắt cái B về cho chú*”, N đồng ý. Tối ngày 08/12/2024, N gọi điện thoại cho Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23/9/2008 là bạn của N, rủ V đi chơi. N nói với V, rủ thêm anh Tuấn A và hỏi xem chị P1 có ở cùng với anh Tuấn A không thì rủ chị P1 đi chơi cùng luôn với mục đích là để N xem hiện tại, chị P1 đang ở đâu. Sau đó, V đã nhắn tin cho anh Tuấn A và rủ Tuấn A với chị P1 cùng đi chơi. Anh Tuấn A1 đồng ý và hẹn gặp V ở nhà văn hóa tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), nay là xã B, tỉnh Phú Thọ để đón anh Tuấn A1 và chị P1 đi chơi. Sau khi biết được chị P1 đang ở cùng với anh Tuấn A1, N đã báo lại cho D biết. N nói: “*Chú ơi, cháu đi bắt con Bóng nhé*”, D hiểu ý của N là N đi bắt chị P1 về cho D nên D nói với N “*Gọi thằng V1 đi bắt cùng*”. N đồng ý và hỏi D tài khoản Facebook của Viện để liên lạc (tên đầy đủ của Viện là Lâm Quang V1), sau khi D đưa cho N xem tài khoản Facebook của V1 có tên “*Người Vận Chuyển*” thì N gửi yêu cầu kết bạn với Viện ngay. Xong rồi, N lấy xe mô tô của anh H đang là quản lý tại quán hát của D đi đến quán H3 ở thôn X, xã M (Nguyễn không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể của H) để đón V, sau đó cả hai đi đến nhà văn hóa tổ dân phố

C đón anh Tuấn A1 và chị P1 đi chơi. Trên đường đi, N có nói cho V biết lý do đi đón anh Tuấn A1 và chị P1 là theo ý chỉ đạo của D, bảo N đi tìm bắt chị P1 về quán cho D. Sau khi nghe N nói đi bắt chị P1 về cho D thì V đồng ý.

Tại điểm hẹn, N và V gặp anh Tuấn A1 và chị P1, N hỏi chị P1: “*Quần áo mà mặc được bao nhiêu ngày rồi*”, chị P1 trả lời N: “*Mặc được một tháng rồi*”, N nói: “*Sao bản thế, thôi để mai tao mang cho mấy bộ quần áo*” (do quần áo của chị P1 đang để ở quán Karaoke của D), mục đích N nói vậy là để có lý do liên lạc gặp chị P1. Sau đó V, N, anh Tuấn A1 và chị P1 cùng đến 01 quán net ở khu vực thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), nay là thôn N, xã B, tỉnh Phú Thọ để chơi Game. Cả nhóm chơi Game đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 09/12/2024 thì N và V đi mua đồ ăn đêm. Cùng thời điểm này, Lâm Quang V1 đang đi chơi cùng bạn trên bờ hồ Đ thì Viện nhận được điện thoại của D, D hỏi: “*Mày đang ở đâu?*”, V1 trả lời D “*Em đang ở B*”; D nói tiếp: “*Mày đang ở gần đây điện cho N đi bắt cái Bống về*”, Viện hiểu ý của D nói là Viện đang ở gần chỗ N thì liên hệ với N để lấy thông tin địa chỉ rồi đi bắt chị P1 về cho D, V1 đồng ý. Trên đường đi mua đồ ăn đêm, do không có tiền tiêu sài nên N bàn với V là liên hệ với Viện, chỉ chỗ của chị P1 cho V1 để V1 đi bắt chị P1 lấy tiền chi tiêu, V đồng ý. Sau đó, N sử dụng điện thoại của V, đăng nhập vào tài khoản Facebook của N có tên “*Thảo Nguyên*” nhắn tin vào tài khoản Facebook của Viện với nội dung: “*Anh muốn bắt con B thì ra quán net gặp nhau nói chuyện*”. Khoảng 15 phút sau khi V1 nhận được tin nhắn qua tài khoản Facebook có tên đăng nhập là “*T*”, Viện lái xe máy đi đến gặp N và hỏi N với V: “*Biết con Bống ở đâu à, chỉ anh quán*”, N nói: “*Anh đưa cho em 2.000.000đ thì em chỉ quán cho*”, V1 hiểu ý là Viện phải đưa N 2.000.000đ thì N mới chỉ chỗ của P1 nên V1 nói không có tiền, sau đó V1 gọi điện thoại cho D và bảo D chuyển tiền để đưa cho N thì D đồng ý. Do không có sẵn tiền trong tài khoản nên D đã bảo V1 đi vay tiền, V1 gọi hỏi vay tiền một số người nhưng không ai cho V1 vay tiền. Do Viện không có tiền đưa cho N nên N và V không cung cấp cho V1 biết địa chỉ của chị P1. Sau đó, cả hai đều bỏ đi và quay lại quán net đón chị P1 và anh Tuấn A1 đi đến bờ hồ Đ uống nước và nói chuyện. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 09/12/2024, N và V đưa anh Tuấn A1 và chị P1 về nhà văn hóa tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc còn N và V tiếp tục đi chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N và V về quán Karaoke gặp D. Khi gặp D, N nói: “*Tí nữa cháu mang quần áo cho cái B*” nghĩa là mang quần áo cho P1 và nói cho D biết P1 đang ở gần nhà văn hóa tổ dân phố C, thị trấn G, B (lúc này V cũng có mặt chứng kiến cuộc nói chuyện giữa D và N). Nghe N nói vậy, D gọi điện cho V1 nói: “*Mày đi lên bắt cái B cùng con N cho tao*”, hiểu ý của D là bảo Viện đến quán hát Karaoke của D để gặp N lấy thông tin địa chỉ của chị P1 rồi đi bắt P1 đưa về quán cho D, V1 đồng ý rồi nói D

bố trí xe. D đồng ý rồi đi ra cửa quán gặp Nguyễn Mạnh T là lái xe Taxi, D nói với T: “*anh chờ tý đưa cái N và V1 đi đón con B về*”, T đồng ý, sau đó D đi về nhà. Sau khi nghe D nói, V1 đã sử dụng điện thoại hiệu OPPO A15 của Viện gọi cho Dư Văn T3; Đặng Xuân Đ, sinh ngày 19/02/2007, Lâm Thanh N1, sinh ngày 23/3/2007 và Hoàng Mạnh L1 và rủ tất cả đi cùng V1 có việc thì được Đ, N1, L1 và T3 đồng ý (trước khi đi, Lịch chuẩn bị 01 gậy rút bằng kim loại màu đen, KT dài khoảng 50cm giấu trong người, T3 01 cầm theo 01 dao kim loại màu trắng giấu trong người). Sau đó, V1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 - 140.81 đến đón T3 rồi cả hai đi đến quán hát Karaoke của D. Tại đây, V1 bảo T3 đi đón Đ và L1, T3 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 - 140.81 đi đón Đ, L1 về quán của D, còn V1 vào trong quán để gặp V và N. Khi gặp được V và N thì V1 nói, hôm nay phải bắt được P1 về không được như ngày hôm qua. Sau đó V1 thỏa thuận với V và N, sẽ cho tiền nếu bắt được chị P1 về, V và N đồng ý. Cùng lúc này, Viện thấy T đi xe ô tô biển kiểm soát 88A - 389.31 của T đến quán của D nên V1 bảo T tý chờ Viện đi, T đồng ý. Tại quán của D, Viện liên tục thúc giục V3 và N nhắn tin cho anh Tuấn A1, sau đó V nhắn tin cho anh Tuấn A1, nội dung sẽ mang quần áo cho chị P1 thì Tuấn A1 hẹn gặp N và V vào lúc 23 giờ 00 phút ở nhà văn hóa tổ dân phố C, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi biết được địa chỉ của P1; Viện, T3, L1 và Đ cùng lên xe ô tô của T, (trước khi lên xe, T3 để con dao ở tường bao loan cạnh cửa quán hát Karaoke của D) còn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 - 140.81 chở N; trước khi đi, V nói với V1: “*Anh đi theo xe em sát sát vào, đến nhà văn hóa C em vào trước rồi bọn anh đỗ xe ở đâu các anh vào*”, V1 nói: “*Không, anh đi trước đây, anh phải đi đón người*”. Viện hỏi N: “*Đưa nick đây cho anh*” thì N nói: “*Điện thoại của em còn một phần trăm không vào được nữa*”. Lúc này, T nói: “*Anh có nick của N đây rồi, đi thôi*”, sau đó T điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu Mitshubishi Xpander biển kiểm soát 88A - 389.31 chở cả nhóm của V1 cùng đi. Sau khi đón N1, theo sự chỉ đường của Viện, T điều khiển xe ô tô chở nhóm của V1 đi đến nhà văn hóa tổ dân phố C. Trên đường đi, Đ hỏi Viện: “*Cậu đi đâu đấy*”, V1 trả lời: “*Đi xuống dưới này bắt con bé nhân viên quán hát về, nó đang nợ tiền của quán*”, “*Nếu nó không nghe thì bắt nó về*” nghe V1 nói vậy Đ, L1, T3 và N1 đồng ý. Khi T điều khiển xe đi đến đoạn đường ngã 3 gần Công an thị trấn G thấy tin nhắn của N gửi vào điện thoại của T với nội dung: “*Em đến đây rồi*”, T đưa điện thoại cho V1, V1 dùng điện thoại của T nhắn tin: “*Em đang ở đâu đấy*” nhưng không thấy N nhắn tin lại, V1 gọi điện cho N nhưng N không nghe máy. Đến khoảng 23 giờ 30 phút nhóm của Viện đến cổng nhà văn hóa tổ dân phố C, T dừng xe; Viện, L1, Đ, T3 và N1 xuống xe còn T điều khiển xe ô tô tiến lên sau đó quay đầu xe lại, dừng cách cổng nhà văn hóa tổ dân phố C khoảng 20m. Sau khi xuống xe Viện, L1, T3,

N1 đi vào nhà văn hóa, còn Đ đứng ở cổng nhà văn hóa, Viện thấy N và V đang đứng trong khuôn viên nhà văn hóa, chị P1 và anh Tuấn A1 đang ngồi ở ghế đá (gần tường rào của nhà văn hóa C). Viện đi đến và nói “*Bóng à đi về anh không làm gì đâu*” chị P1 trả lời: “*Không*” thì V1 nói với cả nhóm: “*Nó đây, bé con này lên xe*” rồi V1 dùng hai tay nhấc chị P1 lên, chị P1 giãy giụa nên Viện thả chị P1 xuống, sau đó Viện, T3, L1 cầm tay của chị P1 lôi, kéo chị P1 ra cổng nhà văn hóa, chị P1 liên tục giãy giụa, la hét, phản kháng dữ dội, thấy chị P1 bị nhóm Viện lôi, kéo bắt đi Tuấn A1 chạy đến dùng hai tay kéo chị P1 lại, không cho nhóm Viện bắt chị P1 đi thì T3 ôm và kéo Tuấn A1 ra, L1 dùng gậy ba khúc (giấu trong người từ trước) chỉ vào mặt anh Tuấn A1 đe dọa, ngăn cản không cho anh Tuấn A1 kéo chị P1 lại, Tuấn A1 sợ không dám can ngăn nữa, V1 tiếp tục kéo, lôi chị P1 ra ngoài cổng nhà văn hóa C và kéo về hướng đường dân sinh bên phải theo hướng nhìn từ trong nhà văn hóa ra đường thấy xe ô tô của T, Viện giơ tay lên vẫy thì T di chuyển xe ô tô tiến đến gần vị trí của V1 và chị P1, lúc này V1 đứng sau lưng chị P1 tay trái cầm vào cổ tay trái của chị P1, tay phải đẩy vào lưng của chị P1 tiến về xe ô tô, khi xe đến nơi, Viện đẩy chị P1 đến cánh cửa sau ghế lái, N1 mở cửa xe, Viện dùng tay phải vòng qua lưng, tay trái bám vào đùi trái đẩy chị P1 vào xe, N1 dùng tay phải nhấc chân của chị P1 lên, tay trái giữ cánh cửa, V1 dùng tay phải ấn cổ của chị P1 vào trong xe, tay trái nhấc chân trái của chị P1 lên xe, chị P1 giãy dụa, la hét không chịu lên, khi V1 và N1 đưa được nửa thân người bên trên của chị P1 vào trong xe ô tô thì có anh Lương Hồng L2, anh Trần Văn V2 là người dân sinh sống gần nhà văn hóa C nghe thấy tiếng kêu cứu của chị P1 đến ngăn cản kéo Viện ra, lúc đó chị P1 mới thoát ra được. Thấy vậy N1, T3, L1 lên xe ô tô của T và T điều khiển xe bỏ chạy đến đầu đường C thì dừng lại. Sau đó, L1 và T3 xuống xe đi bộ quay lại thì gặp Đ, cả ba quay lại nhà văn hóa C thì thấy V1 đang bị người dân giữ lại nên T3, L1, Đ đi bộ quay lại đường C rồi đi về nhà, còn T chờ N1 đi về. Sau khi giữ Viện lại, người dân đã trình báo và Công an thị trấn G đến làm việc.

Ngày 10/12/2024, chị P1 có đơn trình báo và đề nghị Cơ quan điều tra xử lý các đối tượng có hành vi bắt chị P1 theo quy định pháp luật.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp quán hát Karaoke BLUE 88 của D thu giữ 01 dao kim loại màu trắng, chuôi dao bằng kim loại KT dài 10cm, chiều dài lưỡi dao 50cm để trên tường bao loan cạnh cổng quán.

Ngày 10/12/2024, T3, L1, Đ và N1 đến Cơ quan điều tra Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng và tài sản thu giữ của vụ án gồm:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi Xpander, màu trắng biển kiểm soát 88A - 389.31 cùng giấy tờ liên quan đến xe gồm: 01 bản phô tô Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô; 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88A - 389.31; 01 điện thoại di động nhãn hiệu di động OPPO A83 màu đồng, có lắp sim số 0969.258.303 thu của Nguyễn Mạnh T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 thu của Lâm Quang V1.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 thu của Hoàng Mạnh L1.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu gold và 01 đầu ghi camera nhãn hiệu @JHUA, bên trong gắn 01 ổ cứng HDD nhãn hiệu Western Digital thu của Nguyễn Văn D.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung A03S, màu trắng thu của Dư Văn T3.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s thu của Nguyễn Quốc V.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu gold của Đặng Xuân Đ và 01 xe mô tô biển kiểm soát 88E1 - 140.81 và 01 dao kim loại màu trắng, chuôi dao bằng kim loại KT dài 10cm, chiều dài lưỡi dao KT dài 50cm thu tại nhà của D.

Tại các Kết luận giám định số: 929, 946, 930, 932, 931, 933/KTHS ngày 18/4/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh V (cũ), kết luận:

- *“Tìm thấy 25 tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong file Excel tên: “1. Tin nhan SMS.xlsx” lưu trong đĩa DVD kèm theo. Tìm thấy 431 tin nhắn zalo và 1,01 GB dữ liệu kèm theo. Chi tiết thể hiện trong thư mục tên: “2. Tin nhan Zalo” lưu trong đĩa DVD kèm theo. Không phân tích, giải mã, trích xuất được dữ liệu tin nhắn ứng dụng Facebook. Kèm theo kết luận giám định: 01 đĩa DVD lưu trữ 1,01 GB dữ liệu, trên mặt đĩa có chữ ký của Giám định viên”.*

- *“Tìm thấy 05 tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Tìm thấy 51 tin nhắn Zalo. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Tìm thấy 93 tin nhắn Facebook. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Thẻ sim kèm theo: Không tìm thấy dữ liệu. Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 10 trang giấy khổ A4”.*

- *“Tìm thấy 12 tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong file Excel tên: 1. Tin nhan SMS.xlsx” lưu trong đĩa DVD kèm theo. Tìm thấy 118 tin nhắn zalo. Chi tiết thể hiện trong file Excel tên: “2. Tin nhan Zalo.xlsx” lưu trong đĩa DVD kèm theo. Tìm thấy 1429 tin nhắn Facebook. Chi tiết thể hiện trong file Excel tên: “2. Tin nhan Facebook.xlsx” lưu trong đĩa DVD kèm theo. Kèm theo Kết luận giám định: 01 đĩa DVD lưu trữ 131 KB dữ liệu, trên mặt đĩa có chữ kí của Giám định viên”.*

- *“Tìm thấy 223 tin nhắn Facebook. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Tìm thấy 47 tin nhắn Zalo. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Tìm*

thấy 02 tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Thẻ sim kèm theo: Không tìm thấy dữ liệu. Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 13 trang giấy khổ A4”.

- “Trên mẫu cần giám định tìm thấy 02 tin nhắn SMS. Chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Zalo. Không phân tích, giải mã, trích xuất được dữ liệu tin nhắn Facebook. Không tìm thấy dữ liệu trên thẻ sim kèm theo. Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 01 trang giấy khổ A4”.

- “Tìm thấy 47 tin nhắn Zalo. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS; Không phân tích, giải mã được tin nhắn trong ứng dụng Facebook. Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 03 trang giấy khổ A4”.

Tại Kết luận giám định số 928/KTHS ngày 18/4/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh V, kết luận:

“Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu video theo yêu cầu giám định do thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng) gắn trong đầu ghi hình camera không kết nối được với hệ thống khôi phục, trích xuất dữ liệu video hiện có của Phòng K1 - Công an tỉnh V”.

Tại thông báo ngày 24/5/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh V đã từ chối giám định mẫu cần giám định bắt không lên nguồn, do vậy không kiểm tra được thông tin IMEI của thiết bị; không kết nối được thiết bị với các hệ thống phục hồi, trích xuất dữ liệu hiện.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, chị P1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho chị P1 số tiền 47.000.000đồng. Các bị cáo Lâm Quang V1, Dư Văn T3, Lâm Thanh N1, Đặng Xuân Đ, Hoàng Mạnh L1, Nguyễn Quốc V, Lê Nguyễn Thảo N và Nguyễn Văn T4 đã tác động nhờ người thân đứng ra bồi thường cho chị P1 thay các bị cáo. Do vậy, bà Lưu Thị D1 là mẹ bị cáo Lâm Thanh N1, bà Nguyễn Thị L3 là mẹ bị cáo Dư Văn T3, chị Ngô Thị T5 là vợ bị cáo Lâm Quang V1, ông Nguyễn Văn N2 là ông N3 bị cáo Nguyễn Quốc V, bà Lâm Thị H1 là mẹ bị cáo Đặng Xuân Đ, bà Trương Thị S là mẹ bị cáo Hoàng Mạnh L1, bà Nguyễn Thị H2 là mẹ bị cáo Lê Nguyễn Thảo N và chị Phạm Thị H là vợ của bị cáo Nguyễn Mạnh T bồi thường cho chị P1 thay cho các bị cáo tổng số tiền 17.500.000đồng. Kỳ phần bồi thường của mỗi bị cáo là 2.500.000đồng. Riêng bị cáo Nguyễn Văn D đã bồi thường cho chị P1 30.000.000đồng, người đứng ra bồi thường thay cho bị cáo D là ông Nguyễn Văn S1 (ông S1 là anh trai ruột của D). Sau khi nhận đủ số tiền ở trên, chị P1 không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự

đối với các bị cáo đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Những người đứng ra bồi thường cho chị P1 thay cho các bị cáo, không ai yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà họ đã bỏ ra bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D và các đồng phạm đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ đã quyết định:

- Xử phạt Nguyễn Mạnh T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát: 88A - 389.31 kèm theo Giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển kiểm soát: 88A - 389.31.

- Buộc Ngân hàng TMCP T6 phải có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88A - 389.31 mang tên Nguyễn Mạnh T do Phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo...

Ngày 19/9/2025 bị cáo Nguyễn Mạnh T có đơn cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xin trả lại chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát: 88A - 389.31 để sử dụng.

Ngày 10/10/2025 Ngân hàng TMCP T6 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác nhận chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp thuộc quyền quản lý của Ngân hàng TMCP T6 để đảm bảo khoản vay của ông Nguyễn Mạnh T và bà Phạm Thị H theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 699/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.VPC ký ngày 24/12/2020 và bàn giao cho Ngân hàng TMCP T6 01 xe ô tô Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát: 88A - 389.31 đăng ký đứng tên ông Nguyễn Mạnh T để xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và đại diện Ngân hàng TMCP T6 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngân hàng TMCP T6 (T7). Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8- Phú Thọ.

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi Xpander, màu trắng; số khung NC1WLN011480, số máy 4A91JB9986, biển số đăng ký: 88A - 389.31; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 đứng tên Nguyễn Mạnh T.

- Buộc Ngân hàng TMCP T6 phải có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066242, biển kiểm soát 88A - 389.31 mang tên Nguyễn Mạnh T do Phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo T và Ngân hàng TMCP T6 làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/12/2024, tại nhà văn hóa tổ dân phố C, xã H, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), nay là xã B, tỉnh Phú Thọ; theo yêu cầu của Nguyễn Văn D, các bị cáo Lâm Quang V1, Dư Văn T3, Hoàng Mạnh L1, Lâm Thanh N1, sinh ngày 23/3/2007, Đặng Xuân Đ, sinh ngày 19/02/2007, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23/9/2008, Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/4/2008 và Nguyễn Mạnh T đã thực hiện hành vi bắt chị Đinh Thị Quỳnh P1, sinh ngày 11/12/2009 (tại thời điểm xảy ra sự việc, chị P1 mới có 14 tuổi 11 tháng 28 ngày) từ trong sân nhà văn hóa tổ dân phố C kéo ra cổng nhà văn hoá lên xe ô tô biển kiểm soát 88A - 389.31 do T điều khiển, mục đích là để đưa chị P1 về quán hát Karaoke BLUE 88 của D cho D. Khi Viện, N1, T3, Đ, L1 đang thực hiện hành vi bắt chị P1 lên xe ô tô của T thì bị người dân sinh sống quanh khu vực nhà văn hóa tổ dân phố C phát hiện và đến ngăn cản đồng thời bắt giữ được Viện; L1, T3 và N1 thì lên xe ô tô của T do T lái xe bỏ chạy.

Với hành vi nêu trên các bị cáo Nguyễn Văn D, Lâm Quang V1, Dư Văn T3, Lâm Thanh N1, Hoàng Mạnh L1, Nguyễn Quốc V, Lê Nguyễn Thảo N, Đặng Xuân Đ và Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã buộc tội và đã quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm không có bị cáo nào kháng cáo về tội danh và hình phạt.

[3] Xét kháng cáo kháng cáo của bị cáo T và Ngân hàng TMCP T6:

Bản án sơ thẩm đã xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát: 88A - 389.31. Quá trình điều tra xác định, trước khi phạm tội, chiếc xe ô tô trên là tài sản của hợp pháp của bị cáo T và vợ là chị Phạm Thị H, vợ chồng T có vay tiền của Ngân hàng TMCP T6 (gọi tắt là Ngân hàng) và thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 88A - 389.31 thuộc quyền sở hữu của mình cho Ngân hàng. Bị cáo T vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng về mục đích sử dụng tài sản thế chấp, sử dụng xe ô tô trên để làm phương tiện phạm tội. Do vậy, bản án sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A- 389.31 của vợ chồng T là vật chứng của vụ án hình sự là đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm quyết định tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát: 88A - 389.31. Đồng thời buộc Ngân hàng TMCP T6 phải có nghĩa vụ giao nộp bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88A - 389.31 mang tên Nguyễn Mạnh T do Phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ là phù hợp quy định của điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ trả lại xe cho bị cáo T hay giao xe cho Ngân hàng TMCP T6 để xử lý thu hồi nợ như nội dung kháng cáo.

Quan điểm đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng đối với ô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của T (Có điều chỉnh các tuyên cho hợp lý).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo và ngân hàng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T và Ngân hàng TMCP T6 (T7). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 36/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Phú Thọ.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

3. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57, Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi Xpander, màu trắng, số khung ...NC1WLN011480, số máy 4A91JB9986, biển số đăng ký: 88A - 389.31; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 đứng tên Nguyễn Mạnh T.

- Buộc Ngân hàng TMCP T6 phải có nghĩa vụ giao nộp cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 066242, biển kiểm soát 88A - 389.31 mang tên Nguyễn Mạnh T do Phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 24/12/2020 để phục vụ phát mại xe theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu án 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm, Ngân hàng TMCP T6 phải chịu án 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS – Công an tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

